TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THỚI BÌNH** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 130/2022/HNGĐ-ST
Ngày 11 - 08 - 2022
"V/v tranh chấp Hôn nhân gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Diệp Chí Nguyện

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Thắng

Ông Đinh Chí Hiển

- ***Thư ký Phiên tòa****:* Bà Đỗ Hồng Như – Thư ký Toà án nhân dân huyện Thới Bình.

Trong ngày 11 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 247/2022/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2022 về tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 186/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1986.

Cư trú tại: Ấp 1, xã T, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. (xin vắng mặt)

- *Bị đơn:* Chị **Nguyễn Yến N**, sinh năm 1991.

Cư trú tại: Ấp 1, xã T, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án và được bổ sung tại phiên tòa thể hiện:

Về hôn nhân: Anh T trình bày, anhvà chị N tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2009, đến năm 2012 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không được hạnh phúc, hiện cả hai đã ly thân nhau nên anh T xin ly hôn với chị N.

Về con chung: Anh T xác định có 02 con chung tên Nguyễn Thái B, sinh ngày 14/10/2009, hiện đang ở với anh T và Nguyễn Bảo L, sinh ngày 16/8/2016, hiện đang ở với chị N. Khi ly hôn anh T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thái B. Giao cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng cháu Nguyễn Bảo L. Mỗi người nuôi dưỡng 01 con nên không đặt ra yêu cầu bên nào cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh T xác định vợ chồng đã tự thỏa thuận phân chia tại biên bản lập ngày 01/4/2021 nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh T xác định không có.

Đối với chị Nguyễn Yến N, Tòa án đã cấp tống đạt các văn bản tố tụng cho chị N từ khi thụ lý vụ án cho đến khi mở phiên tòa xét xử, chị N biết được việc yêu

cầu ly hôn của anh T, nhưng chị N vẫn vắng mặt không rõ lý do và cũng không gửi ý kiến bằng văn bản cho Tòa án về yêu cầu của anh T.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại Phiên toà các đương sự không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Xét đơn yêu cầu của anh Nguyễn Văn T về việc xin ly hôn với chị Nguyễn Yến N thuộc lĩnh vực hôn nhân và gia đình được quy định tại Điều 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Chị N là bị đơn có địa chỉ nơi cư trú tại Ấp 1, xã T, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền của Toà án nhân dân huyện Thới Bình theo quy định tại Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tòa án đã cấp tống đạt các văn bản tố tụng và giấy triệu tập theo quy định cho các đương sự, chị N là bị đơn vắng mặt không rõ lý do đến lần thứ 2 nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị N theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

[3] Về hôn nhân: Anh T và chị N tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau vào năm 2012. Quá trình chung sống, anh T xác định vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không được hạnh phúc, hiện cả hai đã ly thân nhau nên anh T yêu cầu xin ly hôn với chị N.

Đối với chị N Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị N từ khi thụ lý vụ án cho đến khi mở phiên tòa xét xử, nhưng chị N vắng mặt không rõ lý do và cũng không gửi ý kiến bằng văn bản cho Tòa án về yêu cầu của anh T, cho thấy chị N chưa quyết tâm để tìm giải pháp hàn gắn tình cảm của vợ chồng. Do đó, Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo đơn yêu cầu của anh T khi phù hợp với quy định của pháp luật. Nhận thấy, theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình quy định về ly hôn theo yêu cầu của một bên, đối chiếu với yêu cầu của anh T là phù hợp nên chấp nhận về việc anh T xin ly hôn với chị N.

[4] Về con chung: Anh T xác định có 02 con chung tên Nguyễn Thái B, sinh ngày 14/10/2009 (hiện đang ở với anh T) và Nguyễn Bảo L, sinh ngày 16/8/2016 (hiện đang ở với chị N). Khi ly hôn anh T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thái B. Tiếp tục giao cho chị N nuôi dưỡng cháu Nguyễn Bảo L. Mỗi người nuôi dưỡng 01 con nên không đặt ra yêu cầu bên nào cấp dưỡng nuôi con.

Mặc dù không có ý kiến của chị N, nhưng yêu cầu của anh T là phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận. Tiếp tục giao cháu Nguyễn Thái B, sinh ngày 14/10/2009 cho anh T nuôi dưỡng (hiện đang ở với anh T). Tiếp tục giao cháu Nguyễn Bảo L, sinh ngày 16/8/2016 cho chị N nuôi dưỡng (hiện đang ở với chị N).

Về cấp dưỡng nuôi con Anh T không đặt ra yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Anh T, chị N không trực tiếp nuôi con chung nhưng có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung phù hợp với quy định, không ai được cản trở.

[5] Về tài sản chung: Anh T xác định vợ chồng đã tự thỏa thuận phân chia tại biên bản lập ngày 01/4/2021 nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về nợ chung: Anh T xác định không có.

[7] Về án phí sơ thẩm hôn nhân gia đình Anh T nộp theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 144, khoản 1 Điều 147, 227, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Văn T về việc xin ly hôn với chị Nguyễn Yến N.

Về con chung: Giao Tiếp tục giao cháu Nguyễn Thái B, sinh ngày 14/10/2009 cho anh T nuôi dưỡng (hiện đang ở với anh T). Tiếp tục giao cháu Nguyễn Bảo L, sinh ngày 16/8/2016 cho chị N nuôi dưỡng (hiện đang ở với chị N).

Về cấp dưỡng nuôi con anh T không đặt ra yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Anh T, chị N không trực tiếp nuôi con chung nhưng có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung phù hợp với quy định, không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Anh T xác định vợ chồng đã tự thỏa thuận phân chia tại biên bản lập ngày 01/4/2021 nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về nợ chung: Anh T xác định không có.

Án phí dân sự sơ thẩm Hôn nhân và gia đình anh T nộp 300.000đ. Vào ngày 15 tháng 6 năm 2022, Anh T đã dự nộp 300.000đ theo biên lai số 0015051 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình được chuyển thu sung quỹ nhà nước.

Anh T, chị N có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận :
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Thới Bình;
- Chi cục THA dân sự h.Thới Bình;
- UBND xã T, H.Thới Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;án văn.

Diệp Chí Nguyện